

Bản án số: 346/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/7/2024.

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lương Anh Tuấn .

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ : 27 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn”, thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2024/HPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà K, sinh năm: 1978 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: X, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: X Nguyễn Kim, Phường 06, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà K và trong quá trình giải quyết vụ án, thì vụ việc như sau:

Bà K và ông T đăng ký kết hôn theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số: ngày /1995 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Thời gian đầu bà K và ông T sống cũng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, do tính tình và cách sống không phù hợp, không còn thương yêu nhau. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Vì vậy bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là T, sinh năm 2001 đã thành niên.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải nhiều lần, nhưng ông T không tới Tòa hòa giải. Vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn: Bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thăm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà K nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư ngụ tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà K và ông T đăng ký kết hôn theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số: ngày /1995 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; nên quan hệ hôn nhân giữa bà K với ông T là hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập nhiều lần cho ông T đến Tòa, tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng ông T không đến tòa. Thể hiện ông T không còn muốn cùng bà K xây dựng hạnh phúc lâu dài. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà K với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là T, sinh năm 2001 đã thành niên.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà K khai không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà K được ly hôn với ông T.
- Về con chung: Có 01 con chung tên là T, sinh năm 2001 đã thành niên.
- Về tài sản chung; nợ chung: Bà K khai không có.

- Về án phí: Bà K chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2023/0002126 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Tuấn